TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 07/2018/HNGĐ – ST.
Ngày: 07-02-2018.
V/v: Yêu cầu giải quyết ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU- TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Pọm + Ông Lò Văn Quốc.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2017/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc: Yêu cầu giải quyết ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thái H.

Nơi cư trú: Tiểu khu X, xã T L, huyện T C, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Kim Ng.

Nơi cư trú: Bản B, xã P L, huyện T C, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa anh Hà, chị Ngọc có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2017 của nguyên đơn (Anh H) có nội dung:

Giữa anh Nguyễn Thái H và chị Trương Thị Kim Ng tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/10/2016, tại UBND xã P L, huyện T C, tỉnh Sơn La. Sau thời điểm đăng ký kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn quan tâm gì tới nhau, sống ly thân từ đó cho đến tháng 11/2017, thì anh H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu gái (*Sinh sau 20 ngày vợ* chồng *đăng ký kết hôn*) là: Nguyễn Hoài A, sinh ngày: 24/10/2016. Anh H có yêu cầu để chị Ng trực tiếp nuôi cháu và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng mức 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, anh H đã giao nộp tại Tòa án những tài liệu, chứng cứ sau:

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

- Sổ hộ khẩu gia đình anh H (*bản sao*);

- Giấy khai sinh cháu: Nguyễn Hoài A (*Bản sao*);

- Giấy CMND của anh Nguyễn Thái H (*Bản sao*).

Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn (Chị Trương Thị Kim Ng) có nội dung:

Sau khi kết hôn cho tới khi anh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, thì vợ chồng anh chị không chung sống với nhau một ngày; giữa anh chị không có mẫu thuẫn; Nguyên nhân anh H yêu cầu giải quyết ly hôn là do anh H ngoại tình. Chị Ng không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị Ng nhất trí với ý kiến của anh H về việc giao cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày: 24/10/2016 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên tăng mức yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung lên 4.000.000đ/tháng cho đến khi cháu A trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Thống nhất với ý kiến anh H là không có, do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 04/01/2018, thì ngoài những tài liệu, chứng cứ do anh H đã giao nộp, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành cùng ngày (*04/01/2018*), các đương sự có ý kiến như sau:

Về việc kết hôn: Anh H, chị Ng xác nhận anh chị tự nguyện đi đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/10/2016, tại UBND xã P L, huyện T C, tỉnh Sơn La.

Về nguyên nhân ly hôn:

- Theo anh H thì sau ngày đăng ký kết hôn, giữa anh chị chỉ có thời gian hòa thuận với nhau khoảng 02 tháng là đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do: Vợ chồng không hợp tính nhau; Việc kết hôn là bởi các đương sự có con với nhau trước. Anh

H xác định giữa anh và chị Ng không thể chung sống với nhau hạnh phúc, do vậy giữ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo chị Ng: Thừa nhận sau ngày đăng ký kết hôn giữa vợ chồng không thực sự chung sống cùng nhau một ngày; nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bố mẹ anh H không chấp nhận chị là con dâu, bởi chị đã có một đời chồng trước khi kết hôn với anh H, cũng vì lý do này mà anh H đã chán nản và ngoại tình; Chị Ng có ý kiến sẽ cung cấp tài liệu chứng minh việc anh H ngoại tình, đồng thời giữ quan điểm không nhất trí ly hôn anh H.

Về con chung: Anh H chị Ngọc thống nhất trường hợp vợ chồng ly hôn, thì chị Ng sẽ là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoài A, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị Ngọc là 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 26/01/2018, chị Ng giao nộp Tòa án các tài liệu sau: 01 bản ảnh màu có hình ảnh anh H và một người phụ nữ, theo chị Ng người đó là Lèo Thị Thanh M; 06 bản giấy in màu chứa đựng nội dung tin nhắn giữa Lèo Thị Thanh M và chị Ng (*Các tài liệu trên được chị Ngọc trích xuất từ điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của chị Ng*).

Tại văn bản trình bày ý kiến của anh H sau khi tiếp cận tài liệu do chị Ng giao nộp, có nội dung: Không thừa nhận có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ trong ảnh cùng nội dung tin nhắn do chị Ng giao nộp, giải thích giá trị tài liệu trên chỉ đơn thuần là những quan hệ giao tiếp thông thường giữa anh với đồng nghiệp và những người bạn trong công việc và cuộc sống. Anh xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị Ng bởi: Quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập sau sự cố hai người có con chung với nhau trước khi kết hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn – Anh H giữ yêu cầu giải quyết ly hôn chị Ng; Yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận việc anh chị đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa bị đơn – Chị Ng sau khi đánh giá lại tình trạng hôn nhân vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, do vậy nhất trí thuận tình ly hôn anh H. Nhất trí nội dung đã thỏa thuận về việc chị là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoài A, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mức 3.500.000đ/tháng, cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Nguyễn Thái H và chị Trương Thị Kim Ng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm, thì Thẩm phán được phân công làm chủ Tọa phiên tòa cùng Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật

tố tụng dân sự. Về phía các đương sự cũng đã được Tòa án đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thái H và chị Trương Thị Kim Ng; Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu: Nguyễn Hoài A cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị Ng mức 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm ngàn đồng*)/01tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; Buộc anh Hà chịu án phí dân sự sơ thẩm giải quyết ly hôn là 300.000đ và án phí ghi nhận thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – Anh Nguyễn Thái H, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ giữa anh Nguyễn Thái H và chị Trương Thị Kim Ng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa mãn điều kiện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy được pháp luật thừa nhận là vợ chồng, theo quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của anh H đối với chị Ng, Tòa án nhân thấy: Thực tế anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/10/2016, sau 20 ngày thì chị Ng sinh cháu Nguyễn Hoài A (*24/10/2016*). Quá trình giải quyết vụ án anh H và chị Ng đều thừa nhận sau ngày đăng ký kết hôn anh chị không sống cùng nhau một ngày nào, điều đó thể hiện anh chị không thực sự mong muốn được chung sống cùng nhau mà chẳng qua giữa họ chỉ có một sự ràng buộc duy nhất là đứa con mang thai trước thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa anh H giữ yêu cầu giải quyết ly hôn, phía chị Ng xác định cho dù cố níu giữ thì cũng không mang lại hạnh phúc, do vậy đã nhất trí thuận tình ly hôn anh H. Xét việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với tình trạng hôn nhân đổ vỡ của vợ chồng, phù hợp với tình tiết các bên thừa nhận " *Sau kết hôn giữa hai người chưa từng chung sống cùng nhau một ngày* ". Do đó Hội đồng xét xử quyết định cần áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Để công nhận việc thuận tình ly hôn của các bên đương sự.

[2.3] Về con chung: Có 01cháu là: Nguyễn Hoài A, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016, tại phiên hòa giải ngày 04/01/2018, anh H, chị Ng đã thỏa thuận: Chị Ng là người trực tiếp nuôi cháu, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mức 3.500.000đ/01 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi. Xét nội dung thỏa thuận trên là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nên cần ghi nhận trong bản án.

Anh H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, vay nợ tài sản chung: Các bên đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí:

- Anh H là nguyên đơn do đó phải chịu toàn bộ án phí giải quyết ly hôn là 300.000đ, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết sô: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Anh H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ theo sự thỏa thuận của các đương sự trước khi mở phiên tòa. Do đó phải nộp 50% mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại các điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết sô: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 – các điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết sô: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thái H và chị Trương Thị Kim Ng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị Ng về người trực tiếp nuôi con chung và người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

- Chị Trương Thị Kim Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016.

- Anh Nguyễn Thái H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị Ng mức 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm ngàn đồng*)/01 tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Anh H được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Buộc anh Nguyễn Thái H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ do anh H đã nộp, theo biên lai thu số: AA/2013/04892, ngày 29/11/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La;

- Buộc anh Nguyễn Thái H nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ theo sự thỏa thuận của các đương sự trước khi mở phiên tòa là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

4.Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Báo cho anh Nguyễn Thái H và chị Trương Thị Kim Ng biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ".

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Các đương sự;
- UBND xã Phổng Lăng;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Kỳ Việt